

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Số: 1313 /KH-ĐVTDT

KẾ HOẠCH
PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN NĂM HỌC 2022-2023

Thực hiện kế hoạch đào tạo, Phòng Quản lý Đào tạo thông báo Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2022-2023.

Cụ thể như sau:

TT	Họ và	tên	Chức danh	Trình độ CM	Tên học phần	Lớp dạy	Số giờ dạy (dự kiến)		Tổng số giờ/ định mức/ tỉ lệ		
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Giờ dạy	Định mức	Tỉ lệ %
1.	Lê Đăng	An	Giảng viên	ThS	GDTC 4,5	Lớp ghép các lớp K10	121	27	256	270	94
					Quản lý thể thao quần chúng và thành tích cao	QL TDTT K9	36				
					Bóng chuyên	QL TDTT K9		72			
2.	Lê Thị Vân	Anh	Giảng viên	ThS	Quản lý nhà nước về kinh tế	LTCQ QLNN K9B	45		135	135	100.0
					Luật Đầu tư	LTCQ Luật K9B	30				
					Luật học so sánh	ĐH VLVH Luật K1B-ĐL	30				
						CQ Luật K9 CQ Luật K8	30				
3.	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Giảng viên	ThS	Nghề Giáo viên mầm non	ĐH GDMN K8 + K9	45		270	270	100.0
						ĐHGDMN LTK10A1	45				
						ĐHGDMN LTK10A2	45				
					Giáo dục hòa nhập	ĐHGDMN LTK9B1	45				
					Giáo dục trẻ tự kỉ	ĐHGDMN K9		45			
					Nghề giáo viên mầm non	ĐHGDMN LTK9B2		45			
4.	Nguyễn Thị Lan	Anh	Giảng viên	ThS	Luật Kinh tế	QTDVDL&LH K10		45	479	270	177.4
					Luật lao động	LTCQ Luật K10 A+B		45			
						LTCQ QLNNK		45			

						11A+B					
						CQ QLNN K9	45				
						CQ Luật K9					
					Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	LTCQ Luật K10A		60			
						LTCQ QLNNK 11 A+B					
						LTCQ QLNN K10B		45			
					Luật Tổ tụng hành chính	LTCQ Luật K10A	30				
						LTCQ Luật K9B					
						CQ Luật K9	30				
						ĐH LTVLVH Luật K11A,B - ĐL	45				
					Luật Thương mại	CQ Luật K9		75			
					Thực tập nghề nghiệp	CQ Luật K8		7			
					Thực tập cuối khóa	LTCQ Luật K10A		7			
5.	Trần Việt	Anh	Trưởng khoa Mỹ thuật	TS	Bố cục cơ bản	TCNKHHK34	15		315	232	135.8
						TCNKHHK34		30			
					Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	SPMTK9	30				
						LTSPMTK9B+ LTSPMTK10A	30				
					Bố cục 3	SPMTK10		15			
					Nghệ thuật truyền thống Việt Nam-CĐ1	CH.QLVHK7		22.5			
					Nghệ thuật truyền thống Việt Nam-CĐ1	CH.QLVHK6	22.5				
					NC MT truyền thống VN	MTK10B		30			
					Mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam	Du lịch K9	30				
					Hình họa màu	TCNKHHK34		30			
					Nghệ thuật học đại cương	ĐHGDMN K10A	30				
						ĐHGDMN K10B	30				
						ĐHGDMN K10C	30				
6.	Trịnh Văn	Anh	Trung tâm	TS	Cơ sở công nghệ thông tin	ĐHTTTVK11	45		30	61	49.1

			THNN									
7.	Tào Ngọc	Biên	Giảng	ThS	Thiết bị dạy học dùng chung	TTTTVK10A- HN	45					
			viên			TTTTVK10AB- HN			315	270	116.7	
					Công nghệ phần mềm	TTTTVK8	45					
					Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	TTTTVK9 TTTTVK10	45					
					Kiến trúc máy tính	TTTTVK9 TTTTVK10	45					
					Truyền thông đa phương tiện (DK)	TTTTVK9 TTTTVK10		30				
					Quản lý dự án công nghệ thông tin	T TTTTTVK9 TTTTVK10		30				
					Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục	TTTTVK10A- ĐA TTTTVK10AB- ĐA		30				
						LTTTTVK11A		45				
8.	Hoàng Thị Thanh	Bình	Tổ trưởng Tổ tạp chí	ThS	Tiếng Việt thực hành	ĐHGDMN LTK11A	30		30	116	25.9	
					Lễ tân văn phòng	VTLT K11A-HN VTLT K11B -HN	30					
					Kinh tế Du lịch	QTDVDL&LH K9 Du lịch K9		45				
						QTKS K9		45				
					Quản trị nhà hàng	QTKSK9	45					
					Quản trị lễ tân khách sạn.	QTKSK9		45				
					Thực tế chuyên ngành1	QTDVDL&LHK10		7.5				
					Thực tập DN3	QTDVDL&LHK9 (Nhóm 1)		7.5				
					Thực tập cuối khóa	QTKSK8		7.5				
					Đồ họa vi tính 2	TTTTVK9 TTTTVK10	60	15				
					Thiết kế gian hàng, triển lãm hội chợ	ĐHK8	30					
					Phát triển ý tưởng	ĐHK10	45					
					Thiết kế 4	ĐHK4	30					
9.	Bùi Đức	Chung	Giảng viên	ThS					300	270	111.1	

					Đồ họa vi tính 1	ĐHK11	15				
					Đồ họa vi tính	TKTTK10		15			
					Thiết kế sáng tác 5	ĐHK9		15			
					Thiết kế sáng tác 7	ĐHK9		30			
					Nghệ thuật chữ	ĐHK10+ ĐHK11		45			
10.	Hoàng Anh	Công	Phó Bộ môn CNTT	ThS	Mạng máy tính 3	TTTVK8		45	345	243	142.0
						TTTVK10A-TH		45			
						TTTVK10A-QN TTTVK10B-QN TTTVK10A-ĐA TTTVK10B-ĐA	45				
					Cơ sở công nghệ thông tin	TTTVK11A- HN TTTVK11B- HN VTLTK11A- HN VTLTK11B- HN	45				
					Mạng máy tính 1 (Lý thuyết mạng Lan, Wan)	TTTVK10A-QN TTTVK10B-QN	45				
						TTTVK10A-ĐA TTTVK10B-ĐA	45				
					Mạng máy tính 1	TTTVK10B- TH		45			
					Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý	CQ QLNN K9	30				
11.	Lê Văn	Cường	Giảng viên	ThS	Tin học cơ bản	Lớp ghép	30	30	60	135	44.4
12.	Trịnh Tất	Đạt	Giám đốc TTTV, GV	ThS	Tự động hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	TTTVK10B- TH	45		225	87	258.6
						TTTVK10A-ĐA TTTVK10B-ĐA		45			
					Mạng máy tính 1	TTTVK8 TTTVK9		45			
						TTTVK10A- TH	45				
					Mạng máy tính 2	TTTVK8	45				
			PT BM		Tuyển điểm du lịch	Du lịch K10	30				
					QTDVDL&LHK10		30				
					Làng xã Việt Nam	Du lịch K9	30				

13.	Lưu Thị Ngọc	Diệp	Du lịch	ThS (NCS)	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Du lịch K9	45		240	243	98.8
					Văn hóa du lịch	QTDVDL&LH K11		45			
						Du lịch K9					
					Di tích và danh thắng	Du lịch K10		45			
					Thực tập DN du lịch 2	Du lịch K9		7.5			
					Thực tập doanh nghiệp 1	Du lịch K10		7.5			
14.	Phạm Ngọc	Đinh	Giảng viên	ThS	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	TTTTVK10B-TH	30		510	270	188.9
					Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	LTTTTVK11A		30			
					Lý thuyết âm nhạc 1	TCNK K34	30				
					Lý thuyết âm nhạc 2	TCNK K34		30T			
					Âm nhạc TTVN	ĐHTN K9	30T				
					Nhạc khí PT	ĐHTN K10	30T				
					Tin học CN	LTSPAN K11A,B	30T				
					Tin học CN	ĐHSPÂN	30T				
					Ký xướng âm 1	TCNK K34	30T				
					Ký xướng âm 1	LTSPANK11A	30T				
						ĐHTN K11	30T				
					Ký xướng âm 2	TCNK K34		30T			
						ĐHSPÂN K11		30T			
						LTSPANK11B		30T			
						LTSPANK10B		30T			
					Ký xướng âm 3	TCNK K33	30T				
					Ký xướng âm 4	TCNK K33		30T			
15.	Mai	Đông	Phó Bộ môn TN-NC	ThS	Nhạc cụ	TCNKAN K33	15T/1SV	15T/1SV	450	261	172
						TCNKAN K34	30T/2SV	30T/2SV			
					Piano2	ĐHTN K9	30T/4SV	30T/4SV			
					Piano1	ĐHTN K10	30T/4SV	30T/4SV			

					Nhạc cụ	ĐH SPAN K10CQ	30T/2 Nhóm	30T/ 2 Nhóm				
						ĐH SPAN K11CQ		30T/ 2 Nhóm				
						ĐHSPANK10A.LTC Q	60T/4 Nhóm					
						ĐHSPANK11LTVLVH	30T/2 Nhóm	30T/2 Nhóm				
						ĐHSPMNLTK10A1	30T/2 Nhóm					
16.	Lê Thị	Dung	Giảng viên	ThS	Thiết bị dạy học môn Hóa học	TTTVK10B-TH		30		255	270	94.4
						ĐHGDMN LTK9B1	45					
					Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	ĐHGDMN LTK9B2	45					
						ĐH GDMN K11A		45				
						ĐHGDMN K11B		45				
						ĐHGDMN LTK11A		45				
17.	Lê Thùy	Dung	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	CTXHK10A,B HB		45		232.5	270	86.1
					Đạo đức nghề CTXH	CTXHK10 A, B HB		30				
					Đạo đức nghề CTXH	CTXHK10A	30					
					Đạo đức nghề CTXH	CTXHKK9B	30					
					CTXH với người nghèo	CTXHK10B	45					
					Thực tập cuối khóa	CTXHK10B	7.5					
					Công tác xã hội với người nghèo	CTXHK9B		45				

18.	Đoàn Tiến	Dũng	Giảng viên	ThS	Nhập môn sáng tác	ĐHSPANK8	30		285	87	327.6
						LTSPANK10A	30				
						LTSPANK9B	30				
					Phương pháp dàn dựng chương trình C-M-N	ĐHSPANK8	30				
						LTSPANK10A	30				
						LTSPANK9B	30				
					Ký xướng âm 1	ĐHSPANK11	30				
					Ký xướng âm 2	ĐHTNK11		30			
					Phân tích tác phẩm âm nhạc	ĐHSPANK9		45			
19.	Nguyễn Văn	Dũng	TP. QLKH	GVC. TS	Văn hóa Đông Nam Á	Du lịch K9	30		142.5	87	163.8
					Quản lý sự kiện văn hóa	CH.QLVHK7	67.5				
					Phân cấp trong quản lý hành chính	CHQLCK2		45			
20.	Lê Thị	Dương	Giảng viên	ThS	Thông tin phục vụ lãnh đạo quản lý	TTTVK9 TTTVK10	30		435	270	161.1
						TTTVK8		45			
					Tra cứu thông tin	TTTVK10A-TH	45				
						TTTVK10B-TH		45			
						TTTVK10A-QN TTTVK10B-QN TTTVK10A-ĐA TTTVK10B-ĐA TTTTV	45				
					Tự động hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	TTTVK10A-TH	45				
					Thông tin học đại cương	TTTVK10A-TH TTTVK11B-TH	45				
					Thông tin phục vụ lãnh đạo quản lý	LTTTTVK11B		30			
					Nghiệp vụ văn thư 2	LTVTLTK11A		60			
					Công tác văn thư lưu trữ	CQ QLNN K9		45			
					Lễ tân ngoại giao	Du lịch K8	30				

21.	Nguyễn Thị	Giang	Giảng viên	ThS	Du lịch bền vững	Du lịch K9		30	112.5	270	41.7
					Quản trị buồng	QTKSK8		45			
					Thực tập tốt nghiệp	Du lịch K8		7,5			
					Thực tập nghề cuối	QTKS K8		7.5			
22.	Lê Thanh	Hà	Hiệu trưởng	GVC. TS	Tiếng Anh	CH.QLVHK7	90		180	43.5	418.6
						CHQLCK2	90				
23.	Nguyễn Thị	Hà	Phó Trưởng phòng QLĐT	TS	Đánh giá và tổ chức sử dụng văn bản trong quản lý	CH QLCK1	45		150	94.5	158.8
					Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	LTVTLTK11B	30				
					Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	ĐHGDMN K10A		45			
					Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐHGDMN K10C	30				
24.	Trần Minh Thanh	Hà	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	CTXHK9B	45		225	270	83.3
					Tổ chức và phát triển cộng đồng	CTXHK10A	30				
					Công tác xã hội cá nhân	CTXHK10B	45				
					Thực hành Công tác xã hội cá nhân	CTXH k10B	22,5				
					Thực hành Công tác xã hội nhóm	CTXHK10A,B	22,5				
					Thực tập cuối khóa	CTXHK10A-BH (nhóm 1)	7.5				
					Thực tập cuối khóa	CTXHK10A	7.5				
					Công tác xã hội nhóm	CTXHK10A,B	45				
	Lê Đình	Hải	Giảng		Triết học	ĐH QTKS K11	30				
						ĐH DLK11 ĐH QTDVDL K11	30				
					Kính tế chính trị	LTCQ GDMN k11B	30				

25.			viên	ThS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	-SPAN K10 TN K10 SPMT K10 Đồ họa K10	30		210	270	77.7
						TKTT K10 GDMN K10 QL TDTT K10 Luật K10 CTXH K10 TTH K10 QLNN K10 ĐH NNA 10 -ĐH GDMN K10A -LTCQ QLNN K10B ĐHGDMN LTK10B		30 30			
26.	Phạm Thị	Hải	Giảng viên	ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK9 ĐH TNK10 ĐH TNK11 TCNKANK33 TCNKANK34 THBD	15T/ 1SV 15T/ 1SV 30T/ 2SV 15T/ 1SV 30T/ 2SV 15T	15T/ 1SV 30T/ 2SV 15T/ 1SV 15T	360	270	133.3
					Thanh nhạc	ĐHSPANK9 ĐHSPANK10 ĐHSPANK11 ĐHLTSPANK10A	15T/1 Nhóm 15T/ 1 nhóm 15T/ 1 nhóm	15/ 1 nhóm 30/ 2 nhóm 15T/ 1 nhóm			
27.	Trần Nhật	Hải	PTK Du lịch	TS	Marketing	QTDVDL&LH K9 Du lịch K8 QTKSK9	30 30		127.5	214.4	59.5
					Quản trị kinh doanh khách sạn	QTKSK10		45			
					Thực tập doanh nghiệp 1	QTKSK10		7.5			
					Thực tập doanh nghiệp 2	QTKSK9		7.5			
					Thực tập nghề cuối khóa	QTKSK8		7.5			
28.	Bùi Thị		Giảng	ThS	Đồ họa thời trang PPPT	TKTTK9+ TKTTK10	45		198	270	73.3

		Hằng	viên		nhóm mẫu						
					Nguyên lý Thiết kế trang phục	TKTTK11		45			
					Đồ họa thời trang PPPT nhóm mẫu	TKTTK11		45			
					Nguyên lý tạo dáng trang phục 3D	LTTKTTK10A+B		45			
					Hướng dẫn Đồ án TKTT tổng hợp	LTTKTTK10A		18			
						LTCQ QLNN K10A	7				
29.	Đỗ Thị	Hằng	GV kiêm Vp	ThS	An toàn và bảo mật thông tin	TTTVK8	30		150	135	111.1
					Hệ điều hành	TTTVK9 TTTVK10	30				
					Cơ sở công nghệ thông tin	LTTTTVK11B LTVLTK11B		45			
					Cơ sở công nghệ thông tin	LTTTTVK11A LTVLTK11A	45				
30.	Hoàng Thị Thu	Hằng	Thư ký kiêm GV	ThS	Những vấn đề cơ bản về công tác TBDH ở cơ sở GDPT	LTTTTVK10A-B ĐA, LTTTTVK10A-B QN	30		330	135	244.4
					Nghịệp vụ thư ký văn phòng	VTLTK11A- HN VTLTK11B- HN	45				
						LTVLTK11B	45				
					Văn hóa công sở	LTQLVH-HB	30				
						LTQLVHK10A,B		30			
					Lịch sử truyền thông	CNTTK10	30				
					Lý thuyết truyền thông	CNTTK10	30				
					Phương pháp cho trẻ làm quen TPVH	GDMN		45			
31.	Đặng Thế	Hanh	GV	ThS	GDTC 4.5	Lớp ghép	108	27	279	270	83.3
					Đá cầu	QLTDTTK9		72			
					Cờ vua	QLTDTTK9	72				

32.	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Giảng viên	ThS	Tiếng Anh 1	Lớp ghép 1(40 SV)	45		495	270	183.3
						Lớp ghép 2 (40 SV)	45				
						Lớp ghép 3(40 SV)	45				
						Lớp ghép 4 (40 SV)	45				
					Từ vựng & Ngữ nghĩa TA	NNA K10	45				
					Nghe cơ sở 2	NNA K10	45				
					Tiếng Anh 2	Lớp ghép 1 (40 SV)		45			
						Lớp ghép 4 (40 SV)		45			
						Lớp ghép 2 (40 SV)		45			
						Lớp ghép 3 (40 SV)		45			
					Phiên dịch	LT NNA K10A	45				
					Nghe nâng cao 1	LT NNA K11	45				
					Nghe nâng cao 2	LT NNA K11		45			
33.	Bùi Thị	Hậu	Giảng viên	ThS	Thiết bị dạy học môn tiểu học	TTTTVK10A-TH TTTTVK10B-TH	30		352.5	270	130.6
						LTTTTVK11A TTTTVK10B-TH	45				
					Thiết bị dạy học các môn Xã hội	TTTTVK10B-TH	30				
						TTTTVK11A		45			
						TTTTVK10A-QN TTTTVK10B-QN TTTTVK10A-ĐA TTTTVK10B-ĐA	30				
					Quản lý nhà nước trong văn thư- lưu trữ	LTVTLTK11A	45				
					Văn hóa gia đình	QLVHK10B QLVHK10A	45				
					Tiến trình lịch sử Việt Nam	Du lịch K10	45				
					Thực tập cuối khóa	QLVHK9B (nhóm 2)		7.5			
					Lịch sử Đảng CSVN	Dự kiến 1-2 lớp		30			
34.	Trịnh Thị	Hậu	CBVP kiêm GV	ThS	Lịch sử Đảng CSVN	Dự kiến 1-2 lớp		30	75	135	55.6
					Chính trị học đại cương	CQ QLNN K11		45			

35.	Nguyễn Thị Thương	Hiền	Giảng viên	ThS	Nói cơ sở 2	NNA K10	45		465	270	172
					Nói nâng cao 1	LT NNA K11	45				
						LT NNA K11 TX	45	45			
					Nói nâng cao 2	LT NNA K11 TN		45			
						LT NNA K11 TX		45			
						LT NNA K11 HN		45			
					Ngữ âm âm vị học	LT NNA K11 TX	45				
						LT NNA K10 TN	45				
						NNA K8	45				
					Phiên dịch	LT NNA K10 TN		45			
TACN CNTT	CNTT K10	45									
36.	Phạm Hoàng	Hiền	Phó trưởng khoa – Phụ trách Khoa Âm nhạc	GVC. ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK8	45T/3 SV	45T/3SV	735	232	316
						ĐH TNK9	30T/2 SV	30T/2SV			
						ĐH TNK10	30T/2 SV	30T/2SV			
						ĐH TNK11	30T/2 SV	30T/2SV			
						TCNKK33	60T/4 HS	60T/4HS			
						TCNKK34	60T/4 HS	60T/4HS			
					Phương pháp sư phạm thanh nhạc	ĐHTNK8 + ĐHLTTNK10A	45T				
					Thanh nhạc	ĐHSPANK10A	15T/ 1 nhóm	15T/1 nhóm			
						ĐHLTSPANK10A	15T/ 1 nhóm	15T/1 nhóm			
					37.	Hoàng Đình	Hiền	TK Luật & QLNN			
Phòng, chống tham nhũng trong QLC	CHQLCK2		45								

					Quản lý dịch vụ công	CH QLCK1	45				
					Thủ tục hành chính	LTCQ QLNN K9B		45			
						LTCQQLNN K10A	45				
					Thực tế nghề nghiệp	LTCQ QLNN K10B		7			
					Thực tập cuối khóa	CQ QLNN K8		7			
						LTCQ QLNN K10A		7			
						LTCQ QLNN K9B		7			
					Luật Hành chính	CQ QLNN K9	45				
						LTCQ QLNNK 11 LTCQ Luật K11	60				
						ĐH LTVLVH Luật K11A,B - ĐL	60				
38.	Hoàng Thị Thu	Hoa	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	CTXHK10B	45		327.5	270	125
					Xây dựng và quản lý dự án CTXH	CTXHK9B,10A		45			
					Xây dựng và quản lý dự án CTXH	CTXHK10A,B HB		30			
					Tham vấn trong công tác xã hội	CTXHK10B		45			
					Tham vấn trong CTXH	CTXHK10A,B HB	45				
					Tổ chức và phát triển cộng đồng	CTXHK10A	15				
					Tổ chức và phát triển cộng đồng	CTXHK10A,B HB	45				
					Các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong CTXH	CTXH K8, CTXH K9	30				
					Xã hội học đại cương	CQ QLNN K10 CQ Luật K10	30				
					Thực tập cuối khóa	CTXHK10A-HB (nhóm 2)	7.5				

39.	Lê Thị	Hòa	Giảng viên	ThS	Chính sách văn hóa	QLVHK10A QLVHK11B	45		375	270	138.9
						QLVHK10B		45			
					Chính sách văn hóa Việt Nam	QLVHK11A QLVHK11B	45				
						QLVHK11BĐ	60				
					Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức VHNT	QLVHK10B QLVHK10A	45				
					Quản lý nguồn nhân lực văn hóa	QLVHK11BĐ		60			
					Tiến trình lịch sử	Du lịch K11	30				
					Quản lý nguồn nhân lực xã hội	LTCQ QLNN K10B		45			
40.	Lê Ngọc	Hoàn	Phó Trưởng phòng Khảo thí &ĐBCL GD, GV	ThS	Lập trình Web	TTTTVK8	45		120	94.5	1269.8
					Lập trình nâng cao	TTTTVK9 TTTTVK10		45			
					- Ứng dụng CNTT trong GDMN	ĐHGDMN LTK10B	30				
41.	Lê Đình	Hồng		ThS	Bệnh học trẻ em	ĐH GDMN K8	45		90		
						ĐHGDMN K9	45				
42.	Phạm Thị	Hồng	Giảng viên	ThS	GDTC	Lớp ghép	27		108	135	80
					GDTC	Lớp ghép		81			
43.	Nguyễn Thị	Hồng	TBM GDMN	TS. GVC	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	SPMTK11	45		225	246.5	91.3
					Tâm lý học lứa tuổi mầm non	ĐHGDMN K10A	45				
						ĐHGDMN K10C	45				
						ĐHGDMN LTK11A	45				
					Nghề giáo viên mầm non	ĐHGDMN LTK9B1		45			
44.	Hoàng Thị	Huệ	PTK PT Khoa NN	TS. GVC	Tiếng anh chuyên ngành 2	QTDVDL&LH K8	60		315	232	150
						QTKSK8	60				
					Tiếng anh chuyên ngành 1	QTDVDL&LH K9		60			

						ĐHQTKS K8		60			
					Văn học Anh - Mỹ	ĐHNNA K8	45				
					Ngôn ngữ học đối chiếu	ĐHNNA K8	30				
45.	Hà Đình	Hùng	TP ĐTSDH	TS	Văn hóa học đại cương	QLVHK10B	30		250	87	287.3
					Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	CH.QLVHK7		67.5			
					Quản lý sự liên văn hóa	CH.QLVHK6	67.5				
					Thực tế chuyên ngành	CH.QLVHK6	40				
					Chính sách dân tộc, tôn giáo	CHQLCK2		45			
46.	Phạm Cẩm	Hùng	PGĐ TTTTV	ThS	Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non						
47.	Ninh Quang	Hùng	Giảng viên	ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK8	15T/1 SV	15T/1SV	375	270	138.8
						ĐH TNK9	30T/2 SV	30T/2SV			
						ĐH TNK10	15T/1 SV	15T/1SV			
						ĐH TNK11	45T3S V	45T/3SV			
						TCNKANK34	15T/1 SV	15T/1SV			
						ĐHSPANK8	15T/ 1 nhóm	15T/1 nhóm			
						ĐHSPANK10	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
						ĐHSPANK11		15T/ 1 nhóm			
						ĐHLTSPANK10A	30T/ 2 nhóm	30T/ 2 nhóm			
48.	Đỗ Thị Thu	Hương	GV kiêm Vp	ThS	Lưu trữ học	LTVTLTK11A	45		240	135	177.8
						VTLTK11A- HN VTLTK11A- HN	45				
					Nghiệp vụ lưu trữ 1	LTVTLTK11A		60			
					Lưu trữ học	LTVTLTK11B		45			
					Thư viện trường học	LTTTTVK11A	45				

49.	Lê Thị	Hương	Giảng viên	ThS	Văn hóa giao tiếp	Du lịch K10	30		97.5	135	72.2
					Thực tế CN 2	QTDVDL&LHK8	7.5				
					Thực tế du lịch 2	Du lịch K8		7.5			
					Thực tế Du lịch 1	Du lịch K9		7.5			
					Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	ĐHGDMN LTK11B	45				
50.	Tô Thị	Hương	PTK TDTT	TS	Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non	LT GDMN k10A	162		267	229.5	119
					Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non	ĐH GDMNK11A,B-TN					
					Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non	ĐH GDMNK11A,Bng					
					Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non	LT GDMN k11B					
					Lý luận và PP TDTT trường học	QLTDTT K9 SPAN, TN K8,	45				
					Lịch sử TDTT	QLTDTTK9		24			
					Lý luận và phương pháp TDTT	QLTDTTK10		36			
51.	Trần Thu	Hương	Giảng viên	ThS	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	ĐHGDMN K9		45	360	150	240
					Nghiệp vụ sư phạm (TC2)	ĐHSPANK9	15				
					Nghiệp vụ sư phạm (TC1)	LTSPANK10B LTSPMTK10B	15				
					Nghiệp vụ sư phạm (TC2)	LTSPANK10A	15				
						LTSPANK10B LTSPMTK10B	15				
					Phương pháp dạy học âm nhạc	ĐHSPANK10		45			
					Nghiệp vụ sư phạm (TC1)	ĐHSPANK10		15			
					Nghiệp vụ sư phạm	LTSPANK11A,B		15			

					(TC1)	LTSPMTK11A,B					
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	GDMNK10B-BĐ(VHVL)		45			
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	GDMNK11A,B-TB(VHVL)		45			
					Âm nhạc cơ bản	ĐHGDMN K11B	45				
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK10B	45				
52.	Nguyễn Thị	Hường		ThS	Tiếng Trung	LT NNA K10 TN	30		75	135	55.5
					Cơ sở văn hóa Việt Nam	SPMTK10, Đồ họa K10 Ngôn ngữ AnhK10 Luật K10	45				
53.	Vi Minh	Huy	PT Khoa Âm nhạc Giảng viên	TS Văn hóa dân gian	Lý thuyết âm nhạc 1	SPÂN K11	45		450	232	194.0
						TNK11	45				
					Lý thuyết âm nhạc 2	SPÂN K11		45			
						TNK11		45			
					Hòa âm 1	ĐHSPANK9	30				
						LTSPANK11A		45			
					Hòa âm 2	LTSPANK9B	30				
					Ký xướng âm 3	ĐHSPANK10		30			
					Ký xướng âm 4	ĐHSPANK10		30			
					Nghiệp vụ sư phạm (TC2)	LTSPANK10A	15				
54.	Vũ Thị	Huyền	Giảng viên	ThS	Tổ chức sự kiện	QLVHK9B QLVHK10A	30		300	270	111.1
					Dàn dựng chương trình NT	QLVHK9B QLVHK10A		60			

					Tổ chức sự kiện	QTDVDL&LH K9	30				
						QTDVDL&LH K8		45			
					Múa và phương pháp biên đạo múa	ĐH GDMN K8	45				
						ĐHGDMN K9	45				
						ĐHGDMN LTK9B2		45			
55.	Trịnh Bảo	Khuyên	Phó trưởng Bộ môn – Phụ trách Bộ môn Thanh nhạc – Nhạc cụ	Thạc sĩ (NCS)	Thanh nhạc	ĐH TNK8	30T/2 SV	30T/2SV	450	246.5	360
						ĐH TNK10	30T/2 SV	30T/2SV			
						ĐH TNK11	45T/3 SV	45T/3SV			
						TCNKANK33	30T/2 HS	30T/2HS			
						TCNKANK34	45T/3 SV	45T/3SV			
						ĐHSPANK10	15T/ 1 nhóm	15T/1 nhóm			
						ĐHLTSPANK10A	30T / 2 nhóm	30T/2 nhóm			
56.	Đỗ Thị	Lam	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Thanh nhạc	ĐH TNK8	15T/1 SV	15T/1 SV	375	135	277
						ĐH TNK9	15T/1 SV	15T/1 SV			
						ĐH TNK10	30/2S V	30/2 SV			
						ĐH TNK11	45T/3 SV	45T/3 SV			
						TCNKK33	15T/1 SV	15T/1 HS			
						TCNKK34	15T/1 SV	15T/1 HS			
						ĐHSPANK8	15T/1 SV	15T/1 HS			
						ĐHSPANK10	15T/1 HS	15T/1 HS			
						ĐHLTSPANK10A	15T/ 1	15T/1			

							nhóm	nhóm			
					THBD	ĐHTNK8	15T				
57.	Đồng Hương	Lan	PHT	TS	PP Giáo dục thể chất cho trẻ MN	ĐHGDMN LTK11B		45	69	75	92
					LL & PP TDTT	QL TDTT K10		24			
58.	Lê Thị Thanh	Loan	Giảng viên	ThS	Cầu lông	QLTDTTK10		72	99	135	73
					GDTC	Lớp ghép	27				
59.	Nguyễn Thị	Lan	TP. KT & ĐBCLG D	ThS	Múa và phương pháp biên đạo múa	ĐHGDMN LTK9B1		45	45	81	55.6
60.	Nguyễn Thị Hồng	Lê	PTP. QLKH-HTQT	TS. GVC	Giao tiếp giao văn hóa	NNA K8	30		165	101	163
					Đất nước học	LT NNA K10 TN	45				
						LT NNA K11	45				
						LT NNA K11 TN	45				
61.	Lê Thị Thảo	Linh	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Nhân sự hành chính nhà nước	CQ QLNN K8	45		298	135	220.7
						LTCQ QLNN K10B		45			
					Thủ tục hành chính	CQ QLNN K8		45			
					Hoạch định và phân tích chính sách công	CQ QLNN K8		45			
						LTCQ QLNN K10B	45				
						LTCQ QLNN K11		45			
					Thực tập cuối khóa	CQ QLNN K8		7			
						LTCQ QLNN K10A		7			
					Thực tế nghề nghiệp	CQ QLNN K10		7			
						LTCQ QLNN K10A	7				
62.	Nguyễn Hoàng	Linh	Giảng viên	ThS	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân nam, nữ	TKTTK9+ ĐHK9 LTTKTTK10A,B	15		405	270	150.0
					Hình họa 2: Chân dung người và bán thân nam, nữ	TKTTK10+ ĐHK10	15				
					Hình họa 6: Toàn thân nam, nữ khóa thân 3	ĐHK8	15				
					Hình họa 5	SPMTK9	15				
					Hình họa 3	SPMTK10	15				
					Bố cục 2	SPMTK10	15				
					Hình họa 6	LTSPMTK9B	15				

						+LTSPMTK10A					
					Bộ cục 5	LTSPMTK9B	30				
					Bộ cục 4	LTSPMTK10B	15				
					Hình họa 5	TKTTK9+ ĐHK9		15			
					Hình họa 3	TKTTK10+ĐHK10		15			
					Hình họa 6	SPMTK9		15			
					Bộ cục 5	SPMTK9		15			
					Hình họa 4	SPMTK9		15			
					Hình họa 6	LTSPMTK10B		15			
					Bộ cục 5	LTSPMTK10B		30			
					Hướng dẫn làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK9B2	45				
					Mỹ thuật cơ bản	ĐHGDMN K10A		45			
						ĐHGDMN K10B		45			
63.	Trần Đình	Lộc	Giảng viên	ThS	Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật	TTTTVK10B-TH	30		105	270	38.9
						CNTT		15			
						LTTTTVK11B	30				
						TTTTVK10A-QN TTTTVK10B-QN TTTTVK10A-ĐA TTTTVK10B-ĐA	30				
64.	Lê Mai	Ly	Giảng viên	ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK9	15T/ SV	15T/ SV	390	270	144
						ĐH TNK10	15T/ SV	15T/ SV			
						ĐH TNK11	30T/2 SV	30T/ 2SV			
						TCNKANK33	15T/1 HS	15T/ 1HS			
						TCNKANK34	30T/2 SV	30T/ 2SV			
					THBD	TCNK K33	15T	15T			
						TCNKK34		15T			

					Thanh nhạc	ĐHSPANK8	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
						ĐHSPANK10	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
						ĐHSPANK11		15T/ 1 nhóm			
						ĐHLTSPANK10A	30T/2 nhóm	30T/2 nhóm			
65.	Mai Nguyệt	Minh	Giảng viên	ThS	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	CQ QLNN K11	60		404	270	149.6
						CQ QLNN K10	30				
					Đạo đức công vụ	CQ QLNNK9	30				
					Lịch sử nhà nước và pháp luật	CQ Luật K10	45				
						Luật K11A,B	30				
					Luật Thương mại	LTCQ Luật K10B	30				
						ĐH LTVLVH K11A,B - ĐL	45				
					Luật Tài chính	CQ Luật K8		30			
					Luật Sở hữu trí tuệ	LTCQ Luật K10B		30			
						LTCQ Luật K9B					
						CQ Luật K10		30			
						ĐH LTCQ Luật K11A,B (ĐT)	30				
66.	Đinh Thị	Mơ	Giảng viên	ThS	Giáo dục học	SPMTK10	60		195	270	72.2
						ĐH GDMN K8	45				
					Giáo dục hòa nhập	ĐHGDMN LTK9B2	45				
						ĐHGDMN K11B	45				
67.	Luu Vũ	Nam	GV kiêm Vp	ThS	Khai phá dữ liệu	TTTTVK8	45		120	135	88.9
					Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	TTTTVK9		45			
						TTTTVK10					
68.	Mai Thị Thu	Nga	Giảng viên	ThS	- Ứng dụng CNTT trong GDMN	ĐHGDMN LTK10B	30		90	135	66.7
					Vật liệu may mặc	TKTTK10	30				
					Đồ họa thời trang- PPPT	TKTTK11	30				

					mẫu đơn chiếc						
					Thiết kế họa tiết trang trí vải và sản phẩm thời trang	TKTTK9		30			
69.	Nguyễn Thanh	Nga	GĐTT NNTH	Thạc sĩ (NCS)	Kinh tế học văn hóa	QLVHK10A QLVHK10B QLVHK11BĐ	30		105	87.5	120.0
					Các ngành công nghiệp văn hóa	QLVKK11B		45			
70.	Bùi Thị	Ngoan	Giảng viên	ThS	Sáng tác thiết kế 8	ĐHK8	15		225	270	83.3
					Sáng tác thiết kế 1	ĐHK10	30				
					Nghiên cứu thiên nhiên	ĐHK11	45				
					Tin học ứng dụng	TCNKHHK34	30				
					Đồ họa vi tính	TKTTK10		15			
					Đồ án tổng hợp	ĐHK8		30			
					Thiết kế 2	ĐHK10		15			
					Thiết kế 3	ĐHK10		30			
					Đồ họa vi tính	SPMTK10		15			
71.	Lê Thị	Ngọc	Giảng viên	ThS	Kinh tế vi mô	QTDVDL&LH K10 QTKSK10	45		172.5	270	63.9
					Nguyên lý kế toán	Quản trị khách sạn K8		45			
					Thanh toán quốc tế trong Du lịch	QTDVDL&LH K10 Du lịch k9 QTKSK10		30 30			
					Thực tế chuyên ngành 1	QTKSK11		7.5			
					Thực tập doanh nghiệp 2	QTKSK9 (2 nhóm)		7.5			
					Thực tập nghề cuối khóa	QTKSK8		7.5			
72.	Lê Quốc	Nguyên	Giảng viên	ThS	Độc cơ sở 2	NNA K10	45		270	135	200.0
					Độc nâng cao 2	LT NNA K10 LT NNA K10 TN	45 45				
					Độc nâng cao 1	LT NNA K11 TX LT NNA K11 HN LT NNA K11	45 45 45				
73.	Nguyễn Thị	Nhung	Phó TK Văn hóa	GVC. ThS	Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện	TTTTVK10A-TH	45		450	245	183.6 %

			– Xã hội	(NCS)	Sản phẩm và dịch vụ thông tin	TTTTVK10A-QN TTTTVK10B-QN	45				
						TTTTVK10A-ĐA TTTTVK10B-ĐA	45				
						TTTTVK10A-HN TTTTVK10B-HN	45				
					Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin	TTTTVK10A- TH	45				
						TTTTVK10A-QN TTTTVK10B-QN	45				
					Thư viện trường học	LTTTTVK11B		45			
					Xử lý thông tin 1	LTTTTVK11A LTTTTVK11B	45				
					Xử lý thông tin 2	LTTTTVK11A LTTTTVK11B		45			
					Tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư- lưu trữ	LTVTLTK11A		45			
74.	Hoàng Thị Kim	Oanh	Phó khoa NN, GV	GVC. ThS (NCS)	Nghệ thuật văn thư 1	LTVTLTK11A	60		300	246.5	121.7
						VTLTK11A- HN VTLTK11B- HN	60				
					Văn hóa dân gian VN	QLVHK10B	30				
					Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	CQ QLNN K10		30			
						LTCQ QLNNK 11A+B		30			
					Phương pháp nghiên cứu khoa học	Chính quy k10 (3 lớp)	90				
75.	Trần Thị	Oanh	Giảng viên	ThS	Nghệ thuật sư phạm (TC3)	ĐHSPANK9		15	360	270	133.3
					Công tác đội thiếu niên tiên phong	ĐHSPANK8	45				
					Âm nhạc cơ bản	ĐHGDMN K11A	45				
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK11A,B-TN	45				
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ	ĐH GDMN K10A–BĐ (VHVL)		45			

					mầm non						
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	ĐH GDMN K11A,B-SL (VHVL)		45			
					Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK10A1	45				
						ĐHGDMN LTK10A2	45				
76.	Vũ Thị Hoàng	Oanh	Giảng viên	ThS	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc	ĐHGDMN LTK11B		30	360	290	124.1
					Lịch sử Đảng CSVN	ĐHGDMN LTK9B2	30				
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐHGDMN LTK10B		30			
					Lịch sử ĐCSVN	QTKS K9	30				
						Luật K9 DL&LH K9	30				
						Luật K9B ĐHQLNNK9 LTCQ Luật K10B	30				
					Tư tưởng HCM	GDMN K9B1		30			
						GDMN K9	30				
						LTVLVHGDMN K5 Lang Chánh	30				
						LTCQ SPAN K10B LTCQ SPMT K10B	30				
						LTCQ CTXH K10B LTCQ QLVH K10B	30				
						LTCQ QLNN K10B		30			
						LTCQ QLNN K10B LTCQ Luật K10B	30				
77.	Phùng Thị Thúy	Phương	Giám đốc TTTTVS, GV	ThS	Thống kê học	LTTTTVK11B LTVTLTK11B		15	60	81	74.1
						QTDVDL&LH K10	45				
78.	Trịnh Xuân	Phương	Giảng viên	ThS	Văn hóa ẩm thực	Du lịch K9	45		307.5	270	113.9
						QTDVDL&LH K9		30			
					Du lịch văn hóa	Du lịch K8		30			
					Quản trị chế biến món ăn	QTKSK9	60				

					Thực hành CBMA cho trẻ mầm non	GD MNK10B		45			
					Thực tập tốt nghiệp	QTDVDL&LHK8 (Nhóm 2)		7.5			
					Thực hành chế biến món ăn cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK9B1	45				
						ĐHGDMN K9		45			
79.	Nguyễn Thị	Phượng	Giảng viên	ThS	Thiết bị dạy học môn Vật lý	TTTVK10A- TH	30		180	270	66.7
						TTTVK10A- TH		30			
					Thống kê học	LTTTTVK11B LTVTLTK11B		30			
						ĐHGDMN LTK11B	45				
						ĐHGDMN LTK11A		45			
80.	Phạm Thị	Phượng		GVC. ThS	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	LTCQ TN K11		30	90	87	103.4
					CNXHKH	Luật K10 DL&LH K10	30				
					Logic học	Luật K10		30			
81.	Trần Xuân	Quang	Giảng viên	ThS	Hình họa 2	TKTTK10+ ĐHK10	15		225	270	83.3
					Ký họa	ĐHK8	30				
					Sáng tác thiết kế 1	ĐHK10	15				
					Bố cục 4	SPMTK9	15				
					Hình họa 3	SPMTK10	15				
					Bố cục 2	SPMTK10	15				
					Hình họa 1	SPMTK11	15				
					Hình họa 5	LTTKTTK10A,B+ LTSPMTK10B	15				
						TKTTK9+ĐHK9		15			
					Hình họa 1	TKTTK11+ĐHK11		15			
					Bố cục 1	SPMTK11		15			
					Hình họa 2	SPMTK11		15			
					Hình họa đen trắng	TCNKHHK34		30			
82.	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Trưởng Khoa Du lịch	TS	Phát triển văn hóa cộng đồng	CH.QLVHK7		45	172.5	232	74.4
					Tổng quan du lịch	QTDVDL&LH K11	45				

						Du lịch K11						
					Hướng dẫn du lịch	QTDVDL&LH K10 Du lịch K10		30				
					Thực hành HDDL	QTDVDL&LH K9 Du lịch k10		45				
					Thực tập DN2	QTDVDL&LHK10 (Nhóm 2)		7.5				
83.	Nguyễn Nhu	Son	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Thi hành án dân sự	LTCQ Luật K9B	30		419	135	310.4	
					Xây dựng văn bản pháp luật	CQ QLNN K9 CQ Luật K9	45					
					Hiến pháp và luật tổ chức bộ máy nhà nước	CQ QLNNK10 CQ Luật K10	60					
					Luật Hiến pháp	ĐH LTVLVH Luật K11A,B - ĐL	60					
					Luật Tổ tụng dân sự	LTCQ Luật K10A		45				
						LTCQ Luật K10B						
						CQ Luật K9	45					
						ĐH LTVLVH Luật K11A,B - ĐL	60					
					Công vụ - công chức	CQ QLNN K9		30				
						CQ QLNN K8	30					
					Thực tập cuối khóa	LTCQ QLNN K9B		7				
						LTCQ Luật K9B		7				
84.	Nguyễn Thanh	Tâm	GV	Thạc sĩ (NCS)	Bóng rổ	QLTDTT K9		63	111	135	82	
					Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	QLTDTT K8	21					
					GDTC	Lớp ghép		27				
85.	Lê Văn	Tạo	GV	PGS.TS	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong khu vực công	CHQLCK2	45	45				
86.	Đặng Thanh	Tăng	Giảng viên	ThS	Nhạc cụ	TCNKAN K34	30T/2 SV	30T/ 2SV	480	270	177.7	
					Piano2	ĐHTN K9	30T/4 SV	30T/ 4SV				
					Piano1	ĐHTN K10	15T/2	15T/				

							SV	2SV			
					Nhạc cụ	ĐH SPAN K8.CQ	15T/1 Nhóm	15T/1 Nhóm			
						ĐH SPAN K10CQ	45T/3 Nhóm	45T/3 Nhóm			
						ĐH SPAN K11CQ		30T/2 Nhóm (Dự kiến)			
						ĐHSPANK10A.LTCQ	45T/3 Nhóm				
						ĐHSPANK11.LTVLVH	30T/2 Nhóm	30T/2 Nhóm			
						ĐHSPANK10B.LTCQ	15T/1 Nhóm	15T/1 Nhóm			
						ĐHTN K10.LTCQ	7,5T/1 SV	7,5T/ 1SV			
						ĐHSPMNLTK10A2	30T/2 Nhóm				
87.	Nguyễn Thị	Thái	PTK GDMN	Tiến sỹ	Hướng dẫn kể chuyện cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK10A1	45		270	246.5	109.5
						ĐHGDMN LTK10A2	45				
					Văn học trẻ em	ĐHGDMN LTK9B1	45				
						ĐHGDMN LTK9B2	45				
					Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	ĐHGDMN LTK11A	45				
					Văn học trẻ em	ĐHGDMN LTK10A2		45			
88.	Phan Hồng	Thái	Phó GĐTTTV TS, Giảng viên	ThS	Bóng bàn	QLTDTTK9	72		96	98	97
					Tổ chức thi đấu TDTT	QLTDTTK10		24			
89.	Đỗ Mạnh	Thắng	Giảng viên	ThS	Nhạc cụ	TCNKAN K33	30T/2 SV	30T/ 2SV	480	270	177.7
						TCNKAN K34	15T/1 SV	15T/ 1SV			

					Piano2	ĐHTN K9	22,5T/ 3SV	22,5 T/3S V			
					Piano1	ĐHTN K10	30T/4 SV	30T/ 4SV			
					Nhạc cụ	ĐH SPAN K8.CQ	15T/1 Nhóm	15T/1 Nhóm			
						ĐH SPAN K9.CQ	30T/2 Nhóm	30T/2 Nhóm			
						ĐH SPAN K10.CQ		45T/3 Nhóm			
						ĐH SPAN K11.CQ		30T/2 Nhóm (Dự kiến			
						ĐHSPANK10A.LTC	60T/4 Nhóm				
90.	Phạm Văn	Thắng	Trưởng bộ môn SPMT	ThS	Hình họa 6	ĐHK8	15		285	229.5	124.2
					Hình họa 5	LTTKTTK10A,B+ LTSPMTK10B	15				
					Hình họa 6	LTSPMTK9B+ LTSPMTK10A	30				
					Bố cục 5	LTSPMTK9B	15				
					Bố cục 4	LTSPMTK10B	15				
					Hình họa 6	SPMTK9		30			
					Bố cục 5	SPMTK9		30			
					Hình họa 4	SPMTK10		15			
					Bố cục 3	SPMTK10		15			
					Hình họa 2	SPMTK10		15			
					Hình họa 6	LTSPMTK10B		30			
					Bố cục 5	LTSPMTK10B		15			
					Mỹ thuật cơ bản	ĐHGDMN K10C		45			
91.	Đỗ Thị Lan	Thanh		ThS	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	ĐHGDMN K10A	15		120	81	148.1
						ĐHGDMN K10B	15				
						ĐHGDMN K10C	15				

			GV		Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	ĐHGDMN K10A		15			
						ĐHGDMN K10C		15			
						ĐHGDMN K10B		15			
					Rèn luyện nghiệp vụ SP 4	ĐH GDMN K8	15				
					Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	ĐHGDMN K9		15			
92.	Lê Bá	Thành	PGĐ TTGDTX LK	ThS	Tâm lý khách du lịch	QTDVDL&LH K9 Du lịch K10	30		120	94.5	127.0
					Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	ĐHGDMN LTK10A1		45			
						ĐHGDMN LTK10A2		45			
93.	Nguyễn Công	Thành	GV	ThS	GDTC 4,5	Lớp ghép (TN, DL, LH) K10	40.5		286	270	106
					Bóng đá	QL TDTT K8	63				
					Phương pháp giảng dạy bóng đá	GDTCK11	81				
					Quản lý báo trí và thể thao	QLTDTTK9		24			
					Quản lý TDTT giải trí	QLTDTT k9		24			
					GDTC	Lớp ghép		54			
94.	Nguyễn Tiến	Thành	Giảng viên	ThS	LSÂN P.Tây	ĐHSPANK10	45		420	261	160.9
					LSAN Thế giới	LTSPANK11A,B	60				
					LSAN Việt Nam	LTSPANK10A,B	45				
					LSÂN P.Đông	ĐHSPANK10		30			
					Phân tích tác phẩm âm nhạc	LTSPANK10A,B	45				
					Phân tích tác phẩm âm nhạc	LTSPANK9B	45				
					Chỉ huy dàn hợp xướng	LTSPANK10A	30				
					Chỉ huy dàn hợp xướng	ĐHSPANK9	30				
					Hát hợp xướng 1	LTSPANK10A	30				
					Hát hợp xướng 1	ĐHSPANK9					
					Hát hợp xướng 2	ĐHTNK8	30				
					Ký xướng âm 5	ĐHSPANK9	30				

95.	Vũ Trọng	Thành	TBM Đồ hoạ	ThS	Sáng tác thiết kế 8	ĐHK8	15		232.5	243	95.7
					Thiết kế giao diện website	ĐHK8	30				
					Đồ họa vi tính 1	ĐHK11	30				
					Đồ họa ảnh	ĐHK8	45				
					Thực tập tốt nghiệp	ĐHK8		7.5			
					Thiết kế sáng tác 6	ĐHK9		30			
					Thiết kế 2	ĐHK10		30			
					Đồ họa vi tính	TKTTK10		15			
					Thiết kế sáng tác 5	ĐHK9		15			
					Đồ họa vi tính	SPMTK10		15			
96.	Hà Diệu Thu	Thảo	Giảng viên	ThS	Luật Hình sự	CQ Luật K10	75		157	270	58.1
					Luật Hình sự	ĐH LTVLVH Luật K11A,B - ĐL	75				
					Thực tế nghề nghiệp	LTCQ Luật K10B		7			
97.	Hoàng Thị	Thảo	Giảng viên	TS	Triết học	CHQLCK2	90		480	290	165.5
					Chính trị học trong quản lý công	CHQLCK2	45				
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐHSPAN K10 ĐH TNk10	30				
						SPAN K9B SPMT K9B CTXH K9B QLVH K9B	30				
						Luật K9B	30				
						GDMN K9B1	30				
						GDMN K9B2		30			
					Triết học	SPAN K10 TN K10 SPMT K10 Đồ họa K10 TKTT K10 GDMN K10 QL TDTT K10 Luật K10 CTXH K10	45				

						TTH K10 QLNN K10 ĐH NNA 10					
						-SPAN K11 TN K11 SPMT K11 Đồ họa K11 TKTT K11 GDMN K11 QL TDTT K11 Luật K11 CTXH K11 TTH K11 QLNN K11 ĐH NNA 11	45				
						LTCQ CTXH LTCQ K10B LTCQ K10B LTCQ QLNN K10B LTCQ QLVH K10B	45				
					Kính tế chính trị Mác – Lê Nin	QTKS K11	30				
						LTCQ SPANK10B LTCQ SPMTK10B	30				
98.	Lê Thị	Thảo	Trưởng khoa Văn hóa - Xã hội	TS	Quản lý di sản văn hóa	CH.QLVHK7		67.5	475	232	204.7
					Quản lý di sản văn hóa	CH.QLVHK6	67.5				
					Thực tế chuyên ngành	CH.QLVHK6	40				
					Quản lý di sản VH	QLVHK10B QLVHK11B	45				
						QLVHK11BĐ		60			
					Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	QLVKK11 BĐ	45				
					Làng xã cổ truyền của người Việt	QLVHK11A QLVKK11B	45				
						QLVKK11 BĐ	45				
					Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo	CQ QLNN K9 CQ QLNN K8	30				
						LTCQ QLNN K11		30			

99.	Nguyễn Đình	Thảo	Giảng viên	GVC. ThS	Piano1	ĐHTNK10	15T/2 SV	15T/2SV	30	87	34.5
100.	Tào Thu	Thảo	Giảng viên	ThS	Biên dịch	ĐHNNA K8	45		450	270	166
						LT NNA K10 TN		45			
					Tiếng anh văn phòng	ĐHNNA K8	45				
						ĐH LTNNA K10A	30				
						ĐH LTNNA K10 TN	30				
					Viết cơ sở 1	ĐHNNA K10	45				
					Viết cơ sở 2	ĐHNNA K10		45			
					Viết nâng cao 2	ĐH LTNNA K10 TN	45				
					Tiếng anh	ĐH LTCQ/VLVH	45				
						ĐH LTCQ/VLVH	45				
						ĐH LTCQ/VLVH	45				
101.	Phạm Đắc	Thịnh	Giảng viên	ThS	Thanh nhạc	TCNKANK33	30T/2 HS	30 T/2 HS	120	270	44.4
						TCNKANK34	30T/2 HS	30 T/2 HS			
102.	Bùi Thị	Thu	Phó T Khoa Âm nhạc	ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK9	30T/2S V	30T/2 SV	390	230	169.5
						ĐH TNK10	15T/1 SV	15/1 SV			
						ĐH TNK11	30T/2S V	30T/2 SV			
						TCNKANK33	15T/1 HS	15/1 HSV			
						TCNKANK34	15T/1 HS	15/1 HSV			
						ĐH SPANK9	15T/1 nhóm	15T/1 nhóm			
						ĐH SPANK11		30T/2 nhóm			
						ĐH LT SPANK10A	30T/2 nhóm	30T/2 nhóm			
						ĐH LT SPANK10B	15T/1 nhóm	15T/1 nhóm			
103.	Lê Thị Minh	Thư	CBVP kiêm GV	ThS	Mỹ thuật ứng dụng (Cắt dán, xé dán, nặn, gấp giấy)	ĐH GDMN K8	30		150	135	111.1
					Giải phẫu tạo hình	SPMTK11	15				
					Lịch sử MTTG	LTSPMT9B+	45				

						LTSPMTK10A					
						SPMTK9		45			
					Giải phẫu tạo hình	TKTTK11+ ĐHK11		15			
104.	Nguyễn Thị	Thực	TP Quản lí Đào tạo	PGS.TS	Khoa học quản lý	QLVHK11A	45		505	93	543.0
						QLVKK11B					
						QLVKK11BĐ	45				
					Quản lý Nhà nước về VH,TT&DL	QTDVDL&LH K9	15				
					Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	CH.QLVHK7		45			
					Phát triển chính sách văn hóa	CH.QLVHK7		67.5			
					Phát triển chính sách văn hóa	CH.QLVHK6	67.5				
					Thực tế chuyên ngành	CH.QLVHK6	40				
					Lịch sử các học thuyết quản lý	CH QLCK1	45				
					Kỹ thuật điều hành công sở	CQ QLNN K9, K10	45				
LTCQ QLNN K10A	45										
LTCQ QLNNK11	45										
105.	Ngô Phương	Thúy	Giảng viên	ThS	Quản trị chất lượng DV	QTDVDL&LH K9	45		202.5	270	75.0
					Quản trị nhân lực	QTDVDL&LH K8		45			
					Quản trị thương hiệu	QTDVDL&LH K8		45			
					Quản trị thương hiệu	QTKSK8		45			
					Thực tập DN2	QTDVDL&LHK10		7.5			
					Thực tế chuyên ngành1	QTDVDL&LHK11		7.5			
					Thực tập tốt nghiệp	QTDVDL&LHK8		7.5			
106.	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	TBM TKTT	ThS	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phụ công sở	TKTT K9+ TKTTK10	45		262.5	261	100.5
					Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục dạ hội	LTTKTTK10A+B	45				
					Thiết kế thời trang với nghệ thuật thủ công truyền thống	LTTKTTK10A+B	45				
					Lịch sử thời trang	TKTTK9		30			
					Thiết kế bộ và đồng bộ	TKTTK9		45			

					trang phục dạ hội						
					Thiết kế thời trang trẻ em	TKTTK10		45			
					Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp	LTTKTTK10A		7.5			
107.	Vũ Thị	Thùy	Giảng viên	ThS	Tư tưởng HCM	QTKS K9	30				
						Luật K9	30				
						DL&LH K9	30				
						Luật K9B	30				
						GDMN K9B1	30				
						LTQQ QLNNK10B					
					Lịch sử Đảng CSVN	LTVLVHGDMN K5 VLVH		30			
						LTCQ SPAN K9B					
						LTCQ SPMT K9B	30				
						LTCQ CTXH K9B					
						LTCQ QLVH K9B					
						LTCQ QLNN K9B	30				
						LTCQ QLNN K9B	30				
						LTVL GDMN K10		30			
					Luật Tố tụng hình sự	LTCQ Luật K10A	45				
						LTCQ Luật K10B					
						CQ Luật K9	45				
						ĐH VLVH Luật K10A,B- ĐL	45				
					Khoa học điều tra tội phạm	LTCQ Luật K10B	30				
						ĐH VLVH Luật K10A,B- ĐL	30				
					Tư pháp quốc tế	CQ Luật K8		30			
						ĐH VLVH Luật K10A,B- ĐL	30				
					Công pháp quốc tế	CQ Luật K8	45				
					Thi hành án hình sự	CQ Luật K8		30			
						CQ Luật K9					
					Thực tế nghề nghiệp	LTCQ Luật K10A	7				
109.	Nguyễn Thị	Thủy	Giảng viên	GVC. ThS	Quản lý dự án văn hóa	QLVHK9B	45			337.5	116.3
						QLVHK10A				290	

					Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa	QLVHK11A		45			
						QLVHK11BĐ		45			
					Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	QLVHK9B	45				
					Quản lý các thiết chế văn hóa	QLVHK10A	45				
						QLVHK11BĐ	60				
					Xây dựng văn hóa CD	QLVHK10A		45			
					Thực tập cuối khóa	QLVHK9B (nhóm1)		7.5			
110.	Tạ Thị	Thủy	Giảng viên	TS	Thiết bị dạy học môn Địa lý	TTTTVK10A-TH	30		362.5	290	125
					Pháp luật và đạo đức TT	CNTT	30				
					Thiết bị dạy học môn Địa lý	TTTTVK10B-TH		30			
						LTTTTVK11A		30			
					Lý luận và phương pháp nghiệp vụ văn thư	LTVTLTK11B	30				
						LTVTLTK11A		30			
					Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	QLVHK11A		45			
						QLVHK11B					
					Hướng dẫn thực tập cuối khóa	QLVHK10A		7.5			
					Lý luận và phương pháp văn thư	VTLTK11A- HN	30				
111.	Vũ Thị	Thủy	Giảng viên	ThS	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch		30		150	135	111.1
					Tổng quan khách sạn	QTKSK11	30				
					Quản trị resort	Quản trị KS K8	45				
						QTDVDL&LHK8	45	150			
112.	Trần	Tiến	Giảng viên	ThS	Quản trị dịch vụ	QTDVDL&LH K9		45	120	87.2	137.6
					Quản trị kinh doanh lễ hành	QTDVDL&LH K9	30				
					Quản trị học	Du lịch K11		45			
113.	Dương	Tiến	GV	ThS	GDTC	Lớp ghép	27				103

	Đình				- Aerobic dành cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK10A1	81		279	270	
					Phương pháp giảng dạy TD	GDTCK 11	81				
					Aerobic	QLTDTTK8	63				
					GDTC	Lớp ghép		27			
114.	Nguyễn Thị	Tỉnh	PTK. Luật &QLNN	TS. GVC	Triết học Mác – Lê Nin	GDMN K11A	45		270	230	117.4
						LTCQ GDMNK11A	45				
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	-LTCQ QLNN K11B - GDMNK10C	30				
					Triết học	CH.QLVHK7	90				
					Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin	LTCQ GDMN K11		30			
						ĐHSPANK10 ĐHTNK10		30			
115.	Lê Văn	Tỉnh	Giảng viên	ThS	Nghệ vụ sư phạm	SPMTK9	15		360	270	133.3
					Trang trí 2	SPMTK10	15				
					Bố cục 6	LTSPMTK9B+LTSP MTK10A	30				
					Vẽ phong cảnh ngoài trời	LTSPMTK10A,B	15				
					Trang trí 3	LTSPMTK10A,B	15				
					Nghệ vụ sư phạm 2	LTSPMTK10B	15				
					Nghệ vụ sư phạm	SPMTK9		15			
					Kiên tập sư phạm	SPMTK9		7.5			
					Trang trí 3	SPMTK10		15			
					PP dạy học MT	SPMTK10		45			
					Nghệ vụ SP	SPMTK10		15			
					Trang trí cơ bản	SPMTK11		15			
					Nghệ vụ sư phạm 3	LTSPMTK10		15			
					Kiên tập SP	LTSPMTK10		7.5			
					Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	ĐHGDMN K9		45			
						ĐHGDMN LTK10B		45			
116.	Lê Thu	Trang	Giảng viên	ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK8	15T/1 SV	15T/1SV	360	270	133.3
						ĐH TNK9	15T/1	15T/			

							SV	1SV			
						ĐH TNK10	15T/1 SV	15T/ 1SV			
						ĐH TNK11	30T/2 SV	30T/ 2SV			
						TCNKANK33	15T/1 SV	15T/ 1SV			
						TCNKANK34	30T/2 SV	30T/ 2SV			
						ĐHSPANK10	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
						ĐHSPANK11		15T/ 1 nhóm			
						ĐHLTSPANK10A	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
					Hát dân ca	TCNK33	30 tiết				
117.	Nguyễn Thị Thu	Trang	PTBM Luật	ThS (NCS)	THBD	ĐHTNK11		15T	171	229.5	74.5
					Quản lý nhà nước về hành chính tư pháp	LTCQ QLNN K9B	45				
						LTCQ QLNN K10A		45			
					Hiến pháp và Luật TCBMNN	ĐH LTCQ K11A,B (ĐT)	60				
					Thực tế nghề nghiệp	CQ Luật K8		7			
					Thực tập cuối khóa	LTCQ Luật K10A		7			
						LTCQ Luật K9B		7			
118.	Nguyễn Thành	Trung	GV	ThS	Giải phẫu học TDTT	GDTCK 11	40.5		271	270	100
					Quản lý sân bãi, công trình TDTT	QLTDTTK9	24				
					Giải phẫu học TDTT	QLTDTTK10	36				
					GDTC	Lớp ghép	27				
					Điện kinh	QLTDTTK10	72				
					Võ thuật	QLTDTTK10		72			
119.	Trịnh Ngọc	Trung	TK TDTT	TS	Tổ chức thi đấu TDTT	QLTDTTK10		72	295.5	232	127
					Quản lý Nhà nước về VH,TT&DL	QTDVDL&LH K9	12				
					PP Giáo dục thể chất cho	ĐHGDMN LTK11A		40.5			

					trẻ MN							
					Nghiệp vụ sư phạm thể dục thể thao	QLTDTTK8	63					
					Điện kinh	GDTC K11	108					
120.	Đoàn Văn	Trưởng	Phó TP Đào Sau Đại học	TS	Truyền thông văn hóa	CH.QLVHK7	45					
					Chính sách an sinh xã hội	CHQLCK2		45				
					Chính sách an sinh xã hội	CH QLCK1	45					
					Công tác xã hội nhóm	CTXHK10A,B HB	45					
					Các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong CTXH	CTXH K8, CTXH K9	15					
					Chính sách xã hội	CTXHK10B	45					
					Chính sách xã hội	CTXHK10A,B HB	45					
					Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn	LTCQ QLNN K9B	30					
					Xây dựng và quản lý dự án CTXH	CTXHK10A,B HB		15				
					Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn	CQ QLNN K8 CQ QLNN K9	30					
121.	Nguyễn Phi	Trưởng	Giảng viên	ThS	Đồ họa vi tính 1	TTTVK9 TTTVK10	45					
					Đồ họa vi tính 2	ĐHK8	30					
					Luật xa gần	ĐHK9	30					
					Cơ sở tạo hình 3	ĐHK9	30					
					Cơ sở tạo hình 1	ĐHK10	30					
					Luật xa gần	TCNKHHK34	30					
					Vẽ kỹ thuật	ĐHK9 LTTKTTK10B		30				
					Cơ sở tạo hình 2	ĐHK10		30				
					Thiết kế 2	ĐHK10		15				
					Cơ sở tạo hình 1	ĐHK11		30				
					Luật xa gần	SPMTK10		30				
122.	Nguyễn Văn	Tương		ThS	Quản trị chế biến món ăn	QTKSK9	60					
					Chế biến món ăn GV MN	GD MNK10A		45				
					Thực hành chế biến món	ĐHGDMN K9		45				
									285	247.6	115.1	

			Giảng viên		ăn cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK10A1		45			
						ĐHGDMN LTK10A2		45			
						ĐH GDMN K8		45			
123.	Lê Thiên	Tường	PTBM NNA, Giảng viên	ThS	Tiếng anh 1	Trung cấp NK K34	45		45	261	17.2
124.	Lã Thị	Tuyên	Trưởng khoa GDMN	TS	Chính sách văn hóa, giáo dục, y tế	CHQLCK2		45	390	232	168.1
					Chính sách giáo dục, y tế	CH QLCK1	45				
					Giáo dục học	SPMTK10	60				
					Giáo dục học đại cương	ĐH GDMN K11A	45				
					Giáo dục học mầm non	ĐHGDMN LTK10B	75				
						ĐHGDMN K10A		75			
					Giáo dục học MN	ĐHGDMN LTK11A		45			
125.	Vũ Văn	Tuyển	CT HĐT	TS	Quản lý nhà nước về Văn hóa	QLVHK11B		60	397.5	128	310.5
					Quản lý nhà nước về VH, TT & DL	CQ QLNN K10		45			
					Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	QTDVDL&LH K9	45				
					Quản lý nguồn lực văn hóa	CH.QLVHK7		67.5			
					Quản lý nguồn lực văn hóa	CH.QLVHK6	67.5				
					Quản lý nhà nước về VHXH	CHQLCK2		67.5			
					Quản lý nhà nước về văn hóa	CH QLCK1	45				
126.	Lê Thị	Tuyết	Giảng viên	ThS	Thanh nhạc	ĐH TNK8	15T/1 SV	15T/1SV	375	270	138.8
						ĐH TNK9	15T/1 SV	15T/1SV			
						ĐH TNK10	30T/2	30T/			

							SV	2SV			
						ĐH TNK11	30T/2 SV	30T/ 2SV			
						ĐHLT TNK10	15T/1 SV	15T/ 1SV			
						TCNKANK33	15T/1 HS	15T/ 1HS			
						TCNKANK34	15T/1 HS	15T/ 1HS			
						ĐHSPANK10	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
						ĐHSPANK11		15T/ 1 nhóm			
						ĐHLTSPANK10A	15T/ 1 nhóm	15T/ 1 nhóm			
					THBD	ĐHTNK9	15T	15T			
127.	Trần Xuân	Tý	Giảng viên	ThS	Hướng dẫn làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	ĐHGDMN LTK9B1	45		300	270	111.1
					Hình họa 4	TKTTK9+ĐHK9+LT TKTTK10A,B	15				
					Bố cục 4	SPMTK9	15				
					Trang trí 2	SPMTK10	15				
					Giải phẫu tạo hình	SPMTK11	15				
					Hình họa 1	SPMTK11	15				
					Hình họa 4	LTSPMTK10B	15				
					Trang trí 3	LTSPMTK10A	15				
					Vẽ phong cảnh ngoài trời	LTSPMTK10A,B	15				
					Hình họa 3	TKTTK10+ ĐHK10		15			
					Hình họa 1	TKTTK11+ ĐHK11		15			
					Giải phẫu tạo hình	TKTTK11+ ĐHK11		15			
					Trang trí 3	SPMTK10		15			
					Trang trí cơ bản	SPMTK11		15			
					Bố cục 1	SPMTK11		15			
					Giải phẫu tạo hình	TCNKHHK34		15			
					Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ MN	ĐHGDMN LTK11A		30			

128.	Mai Thị Thanh	Vân	Giảng viên	ThS	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	SPMTK11	45		180	290	62.1
					Kỹ năng giao tiếp	ĐHGDMN LTK9B2	45				
					Giao tiếp sư phạm mầm non	ĐH GDMN K11A		45			
					Giao tiếp sư phạm mầm non	ĐHGDMN K11B		45			
129.	Trần Thị	Vân	Giảng viên	ThS	\Tâm lý học lứa tuổi mầm non	ĐHGDMN K9	45		420	290	144.8
						ĐHGDMN K10B	45				
					Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	ĐHGDMN LTK10B	45				
						ĐHGDMN LTK11A	45				
					Giáo dục học mầm non	ĐHGDMN LTK11B	45				
						ĐHGDMN K10B		75			
						ĐHGDMN K10C		75			
					Tâm lý học lứa tuổi mầm non	ĐHGDMN LTK11B		45			
130.	Mai Anh	Vũ	CBVP kiêm GV	TS	Quản lý chất lượng trong khu vực công	CHQLCK2		67.5	232.5	145	160.3
					Quản trị học	QTDVDL&LH K10	45				
					Giao dịch và đàm phán kinh doanh.	QTKSK10	30				
					Khoa học quản lý	CQ QLNN K11 (lớp ghép)		45			
					Thương mại điện tử căn bản	QTKSK10		45			
131.	Tăng Đức	Vũ	Giảng viên	ThS	Công nghệ cắt may quần âu nam, nữ	TKTTK10	45		240	270	88.9
					Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam, nữ	LTTKTTK10A+B	45				
					Công nghệ cắt may váy áo dài	TKTTK10		45			
					Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam, nữ	TKTTK9		60			
					Công nghệ cắt may sơ mi	TKTTK11		45			

					nam, nữ							
132.	GV tiếng Anh mới		Giảng viên	ThS	Tiếng Anh 1	Lớp ghép 4 (40 SV)	45		450	270	166	
						Lớp ghép 5 (40 SV)	45					
					Đất nước học	LT NNA K11 TX	45					
						LT NNA K11 HN	45					
					Độc nâng cao 2	LT NNA K11 HN		45				
						LT NNA K11		45				
						LT NNA K11 TX		45				
					Tiếng Anh 2	TCNK K32		45				
						Lớp ghép 4 (40 SV)		45				
						Lớp ghép 5 (40 SV)		45				
133.	Phạm Thị Hải	Yến	Phó Trưởng khoa TDTT	ThS (NCS)	Thiết bị dạy học môn Sinh học	TTTVK10A-TH	30		360	230	156.5	
						TTTVK10B-TH						
					Sinh lý thể dục thể thao	QLTDTT K9	45					
					Vệ sinh thể dục thể thao	QLTDTT K10	30					
					Sinh hoá thể dục thể thao	QLTDTT K8	30					
					Sinh lý học trẻ em	ĐHGDMN K10A	30					
						ĐHGDMN K9						
						ĐHGDMN LTK11A	45					
						ĐHGDMN K10C	30					
						ĐHGDMN K10B	30					
ĐH GDMN K11A	45											
ĐHGDMN K11B	45											

Trên đây là toàn bộ Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2022-2023, kính trình Hiệu trưởng phê duyệt./. 

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Hà

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

PGS. TS. Nguyễn Thị Thục

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Thị Hà